

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19/2024/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 07 tháng 11 năm 2024

### NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK KHÓA X, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ MƯỜI LĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 136/TTr-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào

*dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 166/BC-HĐND ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

**“Điều 4. Tỷ lệ % phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh và tiêu chí xác định số điểm dự án, tiểu dự án, nội dung của các huyện**

1. Dự án 1. Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Dự án 2. Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Dự án 3. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Tiểu Dự án 1 thuộc Dự án 4. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

5. Dự án 5. Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

6. Dự án 6. Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

7. Dự án 7. Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

8. Dự án 8. Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục 8 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

9. Dự án 9. Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục 9 ban hành kèm theo

Nghị quyết này.

10. Dự án 10. Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

11. Căn cứ để xác định một số tiêu chí của các dự án, tiểu dự án, nội dung thuộc Chương trình: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục 11 ban hành kèm theo Nghị quyết này.”

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Mười lăm thông qua ngày 06 tháng 11 năm 2024, có hiệu lực thi hành từ ngày 18 tháng 11 năm 2024./.

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Thị Chiến Hòa**

**Phụ lục 1****DỰ ÁN 1. GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIẾU ĐẤT Ở, NHÀ Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT***(Kèm theo Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)***1. Phân bổ vốn đầu tư**

a) Tỷ lệ phân bổ vốn cho các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Không.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất ở	0,4	a	0,4 x a
2	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nhà ở	0,4	b	0,4 x b
3	Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất sản xuất	0,225	c	0,225 x c
4	Cứ 1 công trình nước sinh hoạt tập trung	30	d	30 x d
	<b>Tổng cộng</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

Số lượng (a, b, c, d) căn cứ số liệu nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các huyện, được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện dự án.

**2. Phân bổ vốn sự nghiệp**

a) Tỷ lệ phân bổ vốn cho các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Không.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ chuyển đổi nghề	0,1	a	0,1 x a
2	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	0,03	b	0,03 x b
	<b>Tổng cộng</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

Số lượng (a, b) căn cứ số liệu nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các huyện, được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện dự án./.

**Phụ lục 2**  
**DỰ ÁN 2. QUY HOẠCH, SẮP XẾP, BỐ TRÍ, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ**  
**Ở NHỮNG NƠI CẦN THIẾT**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2024*  
*của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

**1. Phân bổ vốn đầu tư**

- a) Tỷ lệ phân bổ vốn cho các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Không.  
b) Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm
1	Mỗi dự án có quy mô vốn đầu tư đến 01 tỷ đồng được tính 10 điểm	10
2	Dự án có quy mô trên 01 tỷ đồng, cứ tăng thêm vốn đầu tư 100 triệu đồng được tính thêm	01
3	Mỗi dự án tại xã biên giới được tính thêm	5
	<b>Tổng cộng điểm</b>	<b>X<sub>k,i</sub></b>

Nguồn số liệu căn cứ nhu cầu thực tế của từng huyện, được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện dự án.

**2. Phân bổ vốn sự nghiệp**

- a) Tỷ lệ phân bổ vốn cho các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Không.  
b) Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm
1	Mỗi dự án có quy mô vốn sự nghiệp đến 10 triệu đồng được tính 0,1 điểm; phần còn lại cứ tăng thêm vốn sự nghiệp 10 triệu đồng được tính thêm	0,1
	<b>Tổng cộng điểm</b>	<b>X<sub>k,i</sub></b>

Nguồn số liệu căn cứ nhu cầu thực tế của từng huyện, được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện dự án./.

**Phụ lục 3****DỰ ÁN 3. PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG,  
PHÁT HUY TIỀM NĂNG, THỂ MẠNH CỦA CÁC VÙNG MIỀN  
ĐỂ SẢN XUẤT HÀNG HÓA THEO CHUỖI GIÁ TRỊ**

(Kèm theo Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2024  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

**1. Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân**

1.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không

1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp

Phân bổ vốn sự nghiệp của tiểu dự án cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị chủ rừng thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hai thành viên lâm nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng (ha)	Tổng số điểm
1	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.	0,006	a	0,006 x a
2	Mỗi ha rừng được hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình.	0,006	b	0,006 x b
3	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung.	0,08	c	0,08 x c
4	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ.	0,15	d	0,15 x d
5	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng phòng hộ.	1,28	đ	1,28 x đ
6	Mỗi tấn gạo trợ cấp trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, rừng phòng hộ.	0,12	e	0,12 x e
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

Số lượng (a, b, c, d, đ, e) là diện tích rừng của từng chủ rừng thuộc địa bàn thực hiện Chương trình do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo.

**2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

2.1. Phân bổ vốn đầu tư

a) Tỷ lệ phân bổ vốn cho Ban Dân tộc tỉnh: Không quá 17% tổng số vốn đầu tư tiêu dự án.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi huyện thực hiện dự án trồng dược liệu quý	290	a	290 x a
2	Mỗi Trung tâm nhân giống, bảo tồn và phát triển dược liệu ứng dụng công nghệ cao	300	b	300 x b
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

Số lượng (a, b) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các huyện, được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện tiêu dự án.

## 2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Tỷ lệ phân bổ vốn cho các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Không quá 09% tổng số vốn sự nghiệp của tiêu dự án để xây dựng mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Trong đó: Ban Dân tộc tỉnh không quá 3,8%; Sở Công Thương không quá 0,7%; Sở Y tế không quá 03%; các cơ quan: Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Tỉnh đoàn, Hội Nông dân tỉnh, mỗi cơ quan không quá 0,5%.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

\* Phân bổ vốn hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý: Không quá 10% tổng vốn sự nghiệp của tiêu dự án.

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi huyện thực hiện dự án trồng dược liệu quý	310	a	310 x a
2	Mỗi huyện thực hiện xây dựng trung tâm giống cây dược liệu quý	270	b	270 x b
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

Số lượng (a, b) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các huyện, được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện tiêu dự án.

\* Phân bổ vốn phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư.

+ Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã ĐBK; thôn ĐBK

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBK (xã khu vực III)	28	a	28 x a

2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã)	5	b	5 x b
<b>Tổng cộng điểm</b>				$A_{k,i}$

+ Nhóm tiêu chí ưu tiên đối với xã ĐBKK hơn:

. Tiêu chí xã ĐBKK đồng thời là xã ATK hoặc xã biên giới:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Xã ĐBKK đồng thời là xã ATK hoặc xã biên giới	2	a	2 x a
<b>Tổng cộng điểm</b>				$B_{k,i}$

. Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,15	a	0,15 x a
<b>Tổng cộng điểm</b>				$C_{k,i}$

Tổng số điểm  $X_{k,i}$  của huyện thứ k được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí:  $X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i} + C_{k,i}$

**Phụ lục 4**  
**TIÊU DỰ ÁN 1 DỰ ÁN 4. ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU,**  
**PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU**  
**SỐ VÀ MIỀN NÚI**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2024*  
*của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

**1. Phân bổ vốn đầu tư**

a) Tỷ lệ phân bổ vốn cho các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Không.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

- Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã ĐBK, thôn ĐBK

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBK (xã khu vực III)	100	a	100 x a
2	Xã ATK thuộc khu vực II, I (xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135)	90	b	90 x b
3	Mỗi thôn ĐBK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)	15	c	15 x c
4	Cứ 1 km cứng hoá đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa	16	d	16 x d
5	Cứ xây mới 1 trạm y tế xã	40	e	40 x e
6	Cứ cải tạo sửa chữa 1 trạm y tế xã	8	f	8 x f
7	Cứ xây mới 1 chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi	44	g	44 x g
8	Cứ cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 1 chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi	8	h	8 x h
9	Mỗi công trình giao thông mở mới đường giao thông đến trung tâm xã (dành cho các xã chưa có đường tới trung tâm xã)	3.430	i	3.430 x i
10	Mỗi công trình cầu giao thông kết nối các xã biên giới, xã khu vực III, thôn ĐBK	500	k	500 x l
11	Mỗi công trình hạ tầng lưới điện cho các xã biên giới, xã khu vực III, thôn	1.000	l	1.000 x m

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
	ĐBKK			
	<b>Tổng cộng điểm</b>			$A_{k,i}$

Số lượng (d, e, f, g, h, i, k, l) căn cứ số liệu báo cáo tình hình thực tế của các huyện, được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện tiểu dự án.

- Nhóm tiêu chí ưu tiên:

Tiêu chí xã ĐBKK đồng thời là xã ATK hoặc xã biên giới:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Xã ĐBKK đồng thời là xã ATK hoặc xã biên giới	10	a	$10 \times a$
	<b>Tổng cộng điểm</b>			$B_{k,i}$

Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,3	a	$0,3 \times a$
	<b>Tổng cộng điểm</b>			$C_{k,i}$

Tổng số điểm  $X_{k,i}$  của huyện thứ k được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí:  $X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i} + C_{k,i}$

1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Tỷ lệ phân bổ vốn cho các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Không.

b) Phân bổ vốn cho các huyện:

- Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

- Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã ĐBKK, thôn ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	9	a	$9 \times a$
2	Xã ATK thuộc khu vực II, I (xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135)	8	b	$8 \times b$
3	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)	1,8	c	$1,8 \times c$
4	Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi trạm y tế xây mới, cải tạo	2,5	d	$2,5 \times d$

<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Điểm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tổng số điểm</b>
	<b>Tổng cộng điểm</b>			$A_{k,i}$

- Nhóm tiêu chí ưu tiên:

Tiêu chí xã ĐBKK đồng thời là xã ATK hoặc xã biên giới:

<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Điểm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tổng số điểm</b>
1	Xã ĐBKK đồng thời là xã ATK hoặc xã biên giới	1	a	$1 \times a$
	<b>Tổng cộng điểm</b>			$B_{k,i}$

Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK

<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Điểm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tổng số điểm</b>
1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,03	a	$0,03 \times a$
	<b>Tổng cộng điểm</b>			$C_{k,i}$

Số liệu trang thiết bị hỗ trợ cho trạm y tế xây mới căn cứ số liệu báo cáo tình hình thực tế của các huyện, được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện tiểu dự án.

Tổng số điểm  $X_{k,i}$  của huyện thứ i được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí:  $X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i} + C_{k,i}$

**Phụ lục 5****DỰ ÁN 5. PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC**

(Kèm theo Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

**1. Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số**

1.1. Phân bổ vốn đầu tư

a) Tỷ lệ phân bổ vốn cho các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Không.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Số điểm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tổng số điểm</b>
1	Mỗi phòng công vụ giáo viên bổ sung, nâng cấp	1,446	a	1,446 x a
2	Mỗi phòng ở cho học sinh bán trú, nội trú bổ sung, nâng cấp	1,446	b	1,446 x b
3	Mỗi phòng quản lý cho học sinh bán trú, nội trú bổ sung, nâng cấp	1,446	c	1,446 x c
4	Mỗi nhà ăn + nhà bếp bổ sung, nâng cấp	5,784	d	5,784 x d
5	Mỗi nhà kho chứa lương thực bổ sung, nâng cấp	4,5	đ	4,5 x đ
6	Mỗi công trình vệ sinh, nước sạch bổ sung, nâng cấp	4,5	e	4,5 x e
7	Mỗi nhà sinh hoạt, giáo dục văn hóa dân tộc bổ sung, nâng cấp	4,5	g	4,5 x g
8	Mỗi phòng học thông thường và phòng học bộ môn bổ sung, nâng cấp	3,759	h	3,759 x h
9	Mỗi công trình phụ trợ khác (sân chơi, bãi tập, vườn ươm cây...) bổ sung, nâng cấp	2	k	2 x k
10	Mỗi trường dân tộc nội trú cho huyện có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống nhưng chưa có hoặc phải đi thuê địa điểm để hoạt động	450	l	450 x l
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

Số liệu (a, b, c, d, đ, e, g, h, k) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các huyện, được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện tiêu dự án.

1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Tỷ lệ phân bổ vốn cho Sở Giáo dục và Đào tạo: Không quá 10% vốn sự nghiệp tiêu dự án.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi người học xoá mù chữ	0,5	a	0,5 x a
2	Mỗi lớp học xoá mù chữ	10	b	10 x b
3	Mỗi bộ tài liệu, sách giáo khoa, văn phòng phẩm phát cho người học	0,05	c	0,05 x c
4	Mỗi đơn vị mua sắm trang thiết bị	500	d	500 x d
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

Số lượng (a, b, c, d) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các huyện, được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện tiêu dự án.

**2. Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số**

2.1. Nội dung 1. Bồi dưỡng kiến thức dân tộc

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Tỷ lệ phân bổ vốn cho các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: 100% tổng vốn sự nghiệp Nội dung 1. Trong đó: Ban Dân tộc tỉnh 40%; Công an tỉnh 30%; Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh 25%; Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh 5%.

- Phân bổ vốn cho các huyện: Không.

2.2. Nội dung 2. Đào tạo đại học, sau đại học

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Tỷ lệ phân bổ vốn cho Sở Nội vụ: 100% tổng vốn sự nghiệp Nội dung 2.

- Phân bổ vốn cho các huyện: Không.

**3. Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi**

3.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không

3.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Tỷ lệ phân bổ vốn cho Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Không quá 2,5% tổng vốn sự nghiệp tiêu dự án.

b) Phân bổ cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi học viên được đào tạo nghề	0,035	a	$0,035 \times a$
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b><math>X_{k,i}</math></b>

Số lượng học viên được đào tạo nghề (a) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các địa phương, được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện tiểu dự án.

**4. Tiêu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.**

4.1. Phân bổ vốn vốn đầu tư: Không

4.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Tỷ lệ phân bổ vốn cho Ban Dân tộc tỉnh: 100% tổng vốn sự nghiệp của Tiêu dự án.

b) Phân bổ cho các huyện: Không./.

**Phụ lục 6**

**DỰ ÁN 6. BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THÔNG TỐT ĐẸP CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH**  
(Kèm theo Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

**1. Phân bổ vốn đầu tư**

a) Tỷ lệ phân bổ vốn cho Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch: Không quá 65% vốn đầu tư dự án.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Theo phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng cho mỗi một điểm đến du lịch tiêu biểu	7	a	7 x a
2	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn mỗi một làng, bản truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	60	b	60 x b
3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	2	c	2 x c
4	Hỗ trợ xây dựng mỗi một mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch	60	d	60 x d
5	Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	60	e	60 x e
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

Số lượng (a, b, c, d, e) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các huyện, được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện dự án.

**2. Phân bổ vốn sự nghiệp**

a) Tỷ lệ phân bổ cho Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch: Không quá 65% tổng vốn sự nghiệp của dự án.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Theo phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hoá truyền thống cho mỗi dân tộc có khó khăn đặc thù	50	a	50 x a

<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Số điểm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tổng số điểm</b>
2	Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hoá di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số cho mỗi huyện vùng đồng bào DTTS và miền núi	10	b	5 x b
3	Tổ chức bảo tồn các loại hình văn hoá phi vật thể (mỗi lễ hội; mỗi mô hình văn hoá truyền thống; mỗi dự án nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn; mỗi làng văn hóa truyền thống; mỗi chương trình tuyên truyền, quảng bá văn hoá truyền thống văn hoá các dân tộc thiểu số...)	3,5	c	3,5 x c
4	Hỗ trợ mỗi nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận	0,6	d	0,6 x d
5	Tổ chức mỗi lớp tập huấn, truyền dạy, câu lạc bộ (mỗi lớp tập huấn; mỗi câu lạc bộ sinh hoạt văn hoá dân gian...)	2	e	2 x e
6	Hỗ trợ hoạt động cho mỗi đối văn nghệ truyền thống	0,5	g	0,5 x g
7	Xây dựng nội dung, xuất bản mỗi ấn phẩm xuất bản sách, đĩa, đĩa phim tư liệu về văn hoá truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số	20	h	20 x h
8	Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số	10	i	10 x i
9	Tổ chức mỗi hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số	3	k	3 x k
10	Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho mỗi xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	0,3	l	0,3 x l
11	Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi nhà văn hoá tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số	0,3	m	0,3 x m
12	Hỗ trợ chống xuống cấp cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	5	n	5 x n
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

Số lượng (a, b, c, d, e...) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các huyện, được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện dự án./.

**Phụ lục 7**  
**DỰ ÁN 7. CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN, NÂNG CAO**  
**THỂ TRẠNG, TÂM VÓC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ;**  
**PHÒNG CHỐNG SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM**  
(Kèm theo Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2024  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

**1. Phân bổ vốn đầu tư**

- a) Tỷ lệ phân bổ vốn cho các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Không.
- b) Phân bổ vốn cho các huyện: Phân bổ vốn cho các địa phương theo phương pháp tính điểm của các tiêu chí sau:

<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Số điểm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tổng số điểm</b>
1	Mỗi trung tâm y tế huyện được đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo	300	a	300 x a
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

Số lượng (a) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các huyện, được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện dự án.

**2. Phân bổ vốn sự nghiệp**

- a) Tỷ lệ phân bổ vốn cho Sở Y tế: 100% tổng vốn sự nghiệp của Dự án.
- b) Phân bổ vốn cho các huyện: Không./.

**Phụ lục 8**  
**DỰ ÁN 8. THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP**  
**THIỆT ĐỐI VỚI PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2024*  
*của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

**1. Phân bổ vốn đầu tư:** Không

**2. Phân bổ vốn sự nghiệp**

a) Tỷ lệ phân bổ vốn cho Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh: Không quá 50% tổng vốn sự nghiệp của dự án.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Theo phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Điểm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tổng số điểm</b>
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III), xã ATK thuộc khu vực II, I (xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135)	10	a	10 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)	2	b	2 x b
3	Mỗi xã ĐBKK là xã biên giới được tính thêm	1	c	1 x c
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

**Phụ lục 9**  
**DỰ ÁN 9. ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÓM DÂN TỘC THIỂU SỐ CÒN NHIỀU KHÓ KHĂN VÀ KHÓ KHĂN ĐẶC THÙ**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

**1. Tiểu dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù**

1.1. Phân bổ vốn đầu tư

a) Tỷ lệ phân bổ vốn cho Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Không.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Theo phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi thôn ĐBKK có dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù sống thành cộng đồng thuộc diện đầu tư	82	a	82 x a
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Tỷ lệ phân bổ cho Ban Dân tộc tỉnh: Không quá 1,0% tổng số vốn sự nghiệp tiểu dự án.

b) Phân bổ cho các huyện:

- Vốn cho sửa chữa các công trình cơ sở hạ tầng không quá 10% vốn tiểu dự án phân bổ cho huyện.

- Phân bổ vốn theo tiêu chí: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi hộ dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn và có khó khăn đặc thù thuộc địa bàn đầu tư	0,15	a	0,15 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK có dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù sống thành cộng đồng thuộc diện đầu tư	19	b	19 x b
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

Số lượng hộ dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn và có khó khăn đặc thù thuộc địa bàn đầu tư (a) căn cứ số liệu tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

**2. Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

2.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không

2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Tỷ lệ phân bổ vốn cho Ban Dân tộc tỉnh: Không quá 50% vốn sự nghiệp tiểu dự án.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Điểm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tổng số điểm</b>
1	Mỗi tỷ lệ tảo hôn + tỷ lệ hôn nhân cận huyết thống	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực I	1	b	1 x b
3	Mỗi xã khu vực II	1,5	c	1,5 x c
4	Mỗi xã khu vực III	3	d	3 x d
5	Mỗi mô hình được thực hiện	2	đ	2 x đ
	<b>Tổng số</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

Tỷ lệ tảo hôn, tỷ lệ hôn nhân cận huyết (a) của các địa phương căn cứ số liệu điều tra thống kê thực trạng kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số năm 2019.

Số mô hình thực hiện (đ) là 20% của tổng số xã khu vực III, khu vực II của các huyện./.

**Phụ lục 10****DỰ ÁN 10. TRUYỀN THÔNG, TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI. KIỂM TRA, GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH***(Kèm theo Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

**1. Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030**

1.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Tỷ lệ phân bổ vốn cho các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Không quá 67% tổng vốn sự nghiệp tiểu dự án. Trong đó: Ban Dân tộc tỉnh không quá 61%, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh không quá 1,8%, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh không quá 0,2%, Sở Tư pháp không quá 01%, Sở Thông tin và Truyền thông không quá 03%.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	27	a	27 x a
	<b>Tổng cộng</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

**2. Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

2.1. Phân bổ vốn đầu tư:

a) Tỷ lệ phân bổ vốn cho Liên minh Hợp tác xã tỉnh: 100% tổng vốn đầu tư của Tiểu dự án.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Không.

2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Tỷ lệ phân bổ vốn cho các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Không quá 50% tổng vốn sự nghiệp tiểu dự án. Trong đó: Liên minh Hợp tác xã tỉnh không quá 48%, Sở Thông tin và Truyền thông không quá 02%.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30	a	30 x a

2	Mỗi thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III (số thôn đặc biệt khó khăn được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã)	0,5	b	0,5 x b
<b>Tổng cộng điểm</b>				<b>X<sub>k,i</sub></b>

### 3. Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình

3.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không

3.2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Tỷ lệ phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Không quá 55% tổng vốn sự nghiệp tiểu dự án. Trong đó: Ban Dân tộc tỉnh không quá 23,5%, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn không quá 2,5%, Sở Giáo dục và Đào tạo không quá 01%, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không quá 01%, Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch không quá 01%, Sở Y tế không quá 01%, Sở Kế hoạch và Đầu tư không quá 01%, Sở Công thương không quá 01%, Sở Tư pháp không quá 01%, Sở Thông tin và Truyền thông không quá 01%, Sở Nội vụ không quá 01%, Công an tỉnh không quá 01%, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh không quá 0,8%, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh không quá 0,2%, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh không quá 01%, Tỉnh đoàn không quá 01%, Liên minh Hợp tác xã tỉnh không quá 01%, Hội Nông dân tỉnh không quá 01%, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk không quá 01%, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh không quá 01%, Ban Dân vận Tỉnh ủy không quá 01%, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh không quá 10%.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực II	2	b	2 x b
3	Mỗi xã khu vực I	1	c	1 x c
<b>Tổng cộng</b>				<b>X<sub>k,i</sub></b>

**Phụ lục 11****CĂN CỨ ĐỂ XÁC ĐỊNH MỘT SỐ TIÊU CHÍ CỦA CÁC DỰ ÁN,  
TIÊU DỰ ÁN, NỘI DUNG THUỘC CHƯƠNG TRÌNH**

*(Kèm theo Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2024  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

- Xã ĐBKK (Xã khu vực III), xã khu vực II, xã khu vực I, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

- Thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III, thôn ĐBKK được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn ĐBKK vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có);

- Xã an toàn khu (Xã ATK), xã biên giới được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Các dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù sống thành cộng đồng được xác định theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

- Tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu hộ nghèo của năm trước năm lập kế hoạch./.